SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
54 Phạm Ngọc Thạch – Phường Cam Ly-Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 72 / 2025
Mã số mẫu: N.25.121

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**
Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch – Phường Cam Ly-Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng
Ngày lấy mẫu: 18 / 9 / 2025
Địa điểm lấy mẫu: Trạm xử lý Công ty TNHH Thủy Thiên Phú An
Tên mẫu: Nước máy
Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa và chai vô trùng nguyên vẹn.
Thời gian phân tích: Từ ngày 18 / 9 / 2025 đến ngày 26 / 9 / 2025.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	Độ pH(*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	7,14
6	Màu sắc trong nước	SMEWW 2120 C	Đv màu Cobalt	*15*	KPH
7	Độ đục	SMEWW 2130 B	NTU	*2*	KPH LOQ = 0,3
8	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	12,82
9	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B	mg/L	*0,3*	KPH LOQ = 0,1
10	Hàm lượng Nitrit (*)	SMEWW 4500 NO_2 B	mg/L	*0,05*	KPH LOQ = 0,04
11	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	mg/L	*2*	1,49
12	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	17,0
13	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C	$mgCaCO_3/L$	*300*	70,0
14	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	0,6 LOQ = 0,4

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
54 Phạm Ngọc Thạch – Phường Cam Ly-Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
15	Hàm lượng Amoni	US.EPA 1997-350.2	mg/L	*0,3*	KPH LOQ = 0,07
16	Mùi vị	TCVN 2653 : 1978	/	*Không mùi, vị*	Không mùi, không vị lạ
17	Hàm lượng Clo dư	Đo bằng máy Hanna HI 96701	mg/L	*0,2-1,0*	0,98
18	Antimon (Sb) (**)	SMEWW 3030 A, E: 2023 SMEWW 3113 B : 2023	mg/L	*0,02*	Không phát hiện (LOD=0,002)
19	Bari (Ba) (**)	SMEWW 3030 A,E : 2023 SMEWW 3111 B : 2023	mg/L	*0,7*	Không phát hiện (LOD=0,1)
20	Bor (B) (tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)) (**)	SMEWW 4500 (B) B : 2023	mg/L	*0,3*	Không phát hiện (LOD=0,058)
21	Cadimi (Cd) (**)	SMEWW 3030 A,E : 2023 SMEWW 3113 B : 2023	mg/L	*0,003*	Không phát hiện (LOD=0,0002)
22	Chì (Plumbum) (Pb) (**)	SMEWW 3030 A,E : 2023 SMEWW 3113 B : 2023	mg/L	*0,01*	Không phát hiện (LOD=0,002)
23	Chromi (Cr) (**)	SMEWW 3030 A,E : 2023 SMEWW 3113 B : 2023	mg/L	*0,05*	Không phát hiện (LOD=0,002)
24	Fluor(F) (**)	SMEWW 4500 (F^-) B,D : 2023	mg/L	*1,5*	Không phát hiện (LOD=0,08)
25	Natri (Na) (**)	SMEWW 3500 (Na) B : 2023	mg/L	*200*	7,61
26	Nhôm (Aluminium) (Al) (**)	SMEWW 3500 (Al) B : 2023	mg/L	*0,2*	Không phát hiện (LOD=0,02)
27	Nickel (Ni) (**)	SMEWW 3030 A,E : 2023 SMEWW 3113 B : 2023	mg/L	*0,07*	Không phát hiện (LOD=0,002)
28	Selen (Se) (**)	SMEWW 3030 A,E : 2023 SMEWW 3114 C : 2023	mg/L	*0,01*	Không phát hiện (LOD=0,002)
29	Sunfua (S^{2-}) (**)	EPA 376.2 : 2003	mg/L	*0,05*	Không phát hiện (LOD=0,05)
30	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg) (**)	SMEWW 3112 (Hg) B : 2023	mg/L	*0,001*	Không phát hiện (LOD=0,00015)
31	Xyanua (CN^-)(**)	TCVN 6181 : 1996	mg/L	*0,05*	Không phát hiện (LOD=0,003)
32	1,1,1 – Tricloroetan(**)	SOP.01-364: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	*2000*	Không phát hiện (LOD=0,15)
33	1,2 Dicloroetan(**)	SOP.01-364: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	*30*	Không phát hiện (LOD=0,15)

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
54 Phạm Ngọc Thạch – Phường Cam Ly-Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
34	1,2 Dicloroeten(**)	SOP.01-364: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	50	Không phát hiện (LOD=0,15)
35	Cacbontetraclorua (**)	SOP.01-364: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	2	Không phát hiện (LOD=0,15)
36	Diclorometan (**)	SOP.01-364: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=0,15)
37	Tetracloroeten (**)	SOP.01-364: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	40	Không phát hiện (LOD=0,15)
38	Tricloroeten (**)	SOP.01-364: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=0,15)
39	Vinyl clorua (**)	SOP.01-364: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	0,3	Không phát hiện (LOD=0,15)
40	Benzene (**)	SOP.01-367: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	10	Không phát hiện (LOD=0,15)
41	Etylbenzen (**)	SOP.01-367: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	300	Không phát hiện (LOD=0,15)
42	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	SOP.01-356:2022 (Ref.USA EPA 3510 & USA EPA 8270D)	µg/L	1	Không phát hiện (LOD=0,2)
43	Styren(**)	SOP.01-367: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=0,15)
44	Toluen(**)	SOP.01-367: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	700	Không phát hiện (LOD=0,15)
45	Xylen (**)	SOP.01-367: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	500	Không phát hiện (LOD=0,15)
46	1,2 – Diclorobenzen (**)	SOP.01-365: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	1000	Không phát hiện (LOD=0,15)
47	Monoclorobenzen(**)	SOP.01-365: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	300	Không phát hiện (LOD=0,15)
48	Triclorobenzen(**)	SOP.01-365: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=0,15)
49	Acrylamide (**)	SOP.01-369: 2022 (Ref. US EPA Method 8032A : 2016)	µg/L	0,5	Không phát hiện (LOD=0,15)
50	Epiclohydrin (**)	SOP.01-366: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	0,4	Không phát hiện (LOD=0,15)
51	Hexacloro butadien (**)	SOP.01-366: 2022 (Ref. EPA Method 524.2)	µg/L	0,6	Không phát hiện (LOD=0,15)
52	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan (**)	SOP.01-394: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	1	Không phát hiện (LOD=0,15)
53	1,2 – Dicloropropan(**)	SOP.01-370: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	40	Không phát hiện (LOD=0,15)

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
54	1,3 – Dicloropropen (**)	SOP.01-370: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=0,15)
55	2,4 – D (**)	SOP.01-371: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	30	Không phát hiện (LOD=0,1)
56	2,4 - DB (**)	SOP.01-371: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	90	Không phát hiện (LOD=0,1)
57	Alachlor (**)	SOP.01-370: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=0,15)
58	Aldicarb (**)	SOP.01-371: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	10	Không phát hiện (LOD=0,015)
59	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine(**)	SOP.01-395: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	100	Không phát hiện (LOD=0,15)
60	Carbofuran (**)	SOP.01-371: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	5	Không phát hiện (LOD=0,015)
61	Chlorpyrifos (**)	SOP.01-396: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	30	Không phát hiện (LOD=0,15)
62	Clodane (**)	SOP.01-370: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	0,2	Không phát hiện (LOD=0,15)
63	Clorotoluron (**)	SOP.01-394: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	30	Không phát hiện (LOD=0,15)
64	Cyanazine (**)	SOP.01-395: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	0,6	Không phát hiện (LOD=0,15)
65	DDT và các dẫn xuất (**)	SOP.01-370: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	1	Không phát hiện (LOD=0,15)
66	Dichloprop (**)	SOP.01-371: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	100	Không phát hiện (LOD=0,1)
67	Fenoprop(**)	SOP.01-396: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	9	Không phát hiện (LOD=0,15)
68	Hydroxyatrazine(**)	SOP.01-395: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	200	Không phát hiện (LOD=0,15)
69	Isoproturon (**)	SOP.01-396: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	9	Không phát hiện (LOD=0,15)
70	MCPA (**)	SOP.01-371: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	2	Không phát hiện (LOD=0,1)
71	Mecoprop (**)	SOP.01-371: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	10	Không phát hiện (LOD=0,1)

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
54 Phạm Ngọc Thạch – Phường Cam Ly-Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
72	Methoxychlor (**)	SOP.01-370: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=0,15)
73	Molinate (**)	SOP.01-394: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	6	Không phát hiện (LOD=0,15)
74	Pendimetalin (**)	SOP.01-396: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=0,15)
75	Permethrin (**)	SOP.01-396: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=0,15)
76	Propanil (**)	SOP.01-371: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=0,1)
77	Simazine (**)	SOP.01-395: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	2	Không phát hiện (LOD=0,15)
78	Trifluralin(**)	SOP.01-396: 2022 (Ref. USA EPA 8270D)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=0,15)
79	2,4,6 -Triclorophenol (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	200	Không phát hiện (LOD=1,5)
80	Bromat(**)	TCVN 9243: 2012 (ISO 15061 : 2001)	µg/L	10	Không phát hiện (LOD=2)
81	Bromodichoromethane (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	60	Không phát hiện (LOD=1,5)
82	Bromoform (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	100	Không phát hiện (LOD=1,5)
83	Chloroform (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	300	Không phát hiện (LOD=1,5)
84	Dibromoacetonitrile(**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	70	Không phát hiện (LOD=1,5)
85	Dibromocloromethane (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	100	Không phát hiện (LOD=1,5)
86	Dicloroacetonitrile (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	20	Không phát hiện (LOD=1,5)
87	Dicloroacetic acid (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	50	Không phát hiện (LOD=1,5)
88	Formaldehyde (**)	SOP.01-563: 2023 (Ref. EPA Method 1667)	µg/L	900	Không phát hiện (LOD=15)
89	Monochloramine(**)	TCVN 6225-2 : 2012	µg/L	3,0	Không phát hiện (LOD=0,01)

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
54 Phạm Ngọc Thạch – Phường Cam Ly-Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
90	Monochloroacetic acid (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	*20*	Không phát hiện (LOD=1,5)
91	Trichloroacetic acid (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	*200*	Không phát hiện (LOD=1,5)
92	Trichloroaxetonitril (**)	SOP.01-368: 2022 (Ref. EPA Method 515.4)	µg/L	*1*	Không phát hiện (LOD=0,3)
93	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha (**)	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	Bq/L	*0,1*	Không phát hiện (LOD=0,03)
94	Tổng hoạt độ phóng xạ beta (**)	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	Bq/L	*1,0*	Không phát hiện (LOD=0,07)
95	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW 2540C: 2017	mg/L	*1000*	145,50

Nhận xét:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;
- Kết quả thử nghiệm từ chỉ tiêu số 18 đến số 94 do Công ty TNHH phân tích kiểm nghiệm Việt Tín thực hiện.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Thị Hồng Hạnh

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch – Phường Cam Ly-Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

ilac-MRA AOSC VLAT 1.1208 ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 71 / 2025
Mã số mẫu: N.25.117

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**
Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly-Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Ngày lấy mẫu: 18 / 9 / 2025
Địa điểm lấy mẫu: **Trạm cứu hỏa Trường THCS Ninh Gia**
Tên mẫu: Nước máy
Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa và chai vô trùng nguyên vẹn.
Thời gian phân tích: Từ ngày 18 / 9 / 2025 đến ngày 26 / 9 / 2025.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	Độ pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	7,18
6	Màu sắc trong nước	SMEWW 2120 C	Đv màu Cobalt	*15*	KPH
7	Độ đục	SMEWW 2130 B	NTU	*2*	KPH LOQ = 0,3
8	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
9	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B	mg/L	*0,3*	KPH LOQ = 0,1
10	Hàm lượng Nitrit (*)	SMEWW 4500 NO_2 B	mg/L	*0,05*	KPH LOQ = 0,03
11	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	mg/L	*2*	0,61
12	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	16,50
13	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C	$mgCaCO_3/L$	*300*	80,0
14	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	0,80

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch – Phường Cam Ly-Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
15	Hàm lượng Amoni	US.EPA 1997-350.2	mg/L	*0,3*	KPH LOQ = 0,07
16	Mùi vị	TCVN 2653: 1978	/	*Không mùi, vị*	Không mùi không vị lạ
17	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW 2540C: 2017	mg/L	*1000*	143,50
18	Hàm lượng Clo dư	Đo bằng máy Hanna HI 96701	mg/L	*0,2-1,0*	0,82

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;

Ngày 26 tháng 9 năm 2025

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Thị Hồng Hạnh

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch – Phường Cam Ly-Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

AOSC VLAT 1.1208 ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 71 / 2025

Mã số mẫu: N.25.116

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly-Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày lấy mẫu: 18 / 9 / 2025

Địa điểm lấy mẫu: **Trạm cứu hỏa Ngã ba chùa**

Tên mẫu: Nước máy

Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa và chai vô trùng nguyên vẹn.

Thời gian phân tích: Từ ngày 18 / 9 / 2025 đến ngày 26 / 9 / 2025.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	Độ pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	7,17
6	Màu sắc trong nước	SMEWW 2120 C	Đv màu Cobalt	*15*	KPH
7	Độ đục	SMEWW 2130 B	NTU	*2*	KPH LOQ = 0,3
8	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
9	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B	mg/L	*0,3*	KPH LOQ = 0,1
10	Hàm lượng Nitrit (*)	SMEWW 4500 NO_2 B	mg/L	*0,05*	KPH LOQ = 0,03
11	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	mg/L	*2*	0,55
12	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	17,0
13	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C	$mgCaCO_3/L$	*300*	72,0
14	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	0,60

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch – Phường Cam Ly-Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
15	Hàm lượng Amoni	US.EPA 1997-350.2	mg/L	*0,3*	KPH LOQ = 0,07
16	Mùi vị	TCVN 2653: 1978	/	*Không mùi, vị*	Không mùi không vị lạ
17	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW 2540C: 2017	mg/L	*1000*	159,0
18	Hàm lượng Clo dư	Đo bằng máy Hanna HI 96701	mg/L	*0,2-1,0*	0,93

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;

Ngày 26 tháng 9 năm 2025

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

Lê Thị Hồng Hạnh

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.